

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 30

46. GIẢI THÍCH THIỆN CĂN CÚNG DƯỜNG

KINH: Muốn đem các thiện căn cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật, được như ý thành tựu, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Bồ-tát đã được gặp chư Phật, hãy nên cúng dường. Nếu được gặp Phật mà không cúng dường, thật là chẳng vui! Như Bồ-tát Tu-ma-đề (Diệu Ý) gặp Phật Nhiên Đăng mà không có chi cúng dường, tìm kiếm chung quanh, thấy người con gái bán hoa, lấy năm trăm tiền vàng, mua được năm hoa sen xanh để cúng dường Phật. Lại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, vì cúng dường Thầy, mà bán thịt máu thân mình. Các Bồ-tát như vậy, đã được thấy Phật, tâm muốn cúng dường. Nếu không có gì cúng dường, thì tâm có trở ngại, ví như người dân thường gặp quân trưởng mà không đem lễ tặng, thì là bất kính. Thế nên các Bồ-tát tìm vật cúng dường để cúng dường chư Phật. Phật tuy không cần mà tâm Bồ-tát được đầy đủ, ví như nông phu gặp ruộng tốt mà không hạt giống, tuy muốn gieo công, mà không lấy gì để tung sức, tâm rất ưu sầu! Bồ-tát cũng như vậy, được gặp chư Phật, mà không có vật cúng dường, dầu có vật khác, không xứng ý mình; tâm bèn e ngại.

Các thiện căn: Quả báo của thiện căn như hoa hương, anh lạc, y phục, tràng phan, bảo cái, các thứ trân bảo... vì cố sao? Vì hoặc có khi lấy nhân nói quả, như nói ngày ăn ngàn lượng vàng, vàng không thể ăn, nhân vàng mà được ăn, nên nói ăn vàng. Hoặc có khi nói lấy quả nói nhân, như thấy bức vẽ đẹp nói là khéo tay, tay không phải bức vẽ ấy, mà thấy bức vẽ ấy, nói là khéo tay. Thiện căn quả báo cũng như vậy. Do nhân duyên nghiệp thiện căn mà được đồ cúng dường, gọi là thiện căn.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không nói ngay hoa hương mà nói nhân của nó?

Đáp: Đồ cúng dường có hai thứ: 1. Tài cúng dường. 2. Pháp cúng dường. Nếu chỉ nói cúng dường hoa hương thì không bao gồm được pháp cúng dường. Nay nói thiện căn cúng dường, nên biết đã gồm cả tài và pháp.

Cúng dường: Hoặc thấy hoặc nghe công đức chư Phật, sanh tâm cung kính tôn trọng, đưa đón hầu hạ, nhiễu quanh, lễ bái, đứng cúi mình chấp tay, tránh ngôi, yên chỗ, khuyên mời ăn uống, hương hoa, trân bảo... xưng tán các công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, Phật có thuyết pháp thì tín thọ lời dạy bảo; thân, ngữ, ý nghiệp lành như vậy, ấy là cúng dường.

Tôn trọng: Biết hết thấy chúng sanh không ai có đức quá hơn, nên nói là tôn; tâm kính sợ hơn kính sợ cha mẹ, sư trưởng, quân vương, vì sự lợi ích trọng đại, nên nói là trọng.

Cung kính: Khiêm tốn, sợ sệt nên nói là cung, suy tôn trí đức của Phật nên nói là kính.

Tán thán: Khen ngợi công đức là tán, tán chưa đủ, còn xưng lên nữa gọi là thán.

Tùy ý thành tựu: Nếu cần hoa để cúng dường, hoa liền theo ý, hoặc cầu được, hoặc không cầu mà được. Có thứ tự nhiên hiện ra, hoặc biến hóa sanh, cho đến các thứ kỹ nhạc cúng dường, đều được như vậy.

Hỏi: Bồ-tát gặp được thứ gì thì cúng dường, cơ sao lại tìm cầu theo ý?

Đáp: Phước đức theo tâm, dùng vật ái trọng đem cúng dường thì được phước thêm nhiều. Như vua A-dục lúc trẻ nhỏ dùng đất mà mình quý trọng đem dâng Phật. Quả báo được làm vua cõi Diêm-phù-đề, trong một ngày dựng tám vạn tháp, nếu người lớn tuy lấy nhiều đất bỏ vào bát cúng dường mà không được gì, vì không phải là đất được quý trọng. Có người quý trọng riêng thứ hoa, đem hoa ấy cúng dường Phật, được phước thêm nhiều, cho đến bảo vật cũng như vậy.

Lại nữa, thích nghi theo thời, nếu lúc lạnh thì nên đem cho củi lửa, áo, giày, nhà ấm, mền nệm, và thức ăn uống; lúc nóng thì nên đem cho nước, quạt, lọng, nhà mát, áo mỏng, đồ ăn ngon, tùy lúc gió mưa đưa đồ cúng dường. Như vậy tùy thời mà cúng dường.

Lại thích nghi theo địa phương, tùy theo người lãnh thọ cần dùng đều đem cúng dường.

Lại nữa, tùy ý cúng dường là có vị Bồ-tát biết Phật không cần gì, lại biết các vật hư dối như huyễn, chỉ là nhất tướng tức là vô tướng, vì giáo hóa chúng sanh nên tùy tài vật mà chúng sanh và quốc độ quý trọng, dẫn

dắt họ cúng dường.

Lại có Bồ-tát được thiên định thâm sâu, phát sanh Bồ-tát thần thông, do sức thần thông nên bay đến trước mười phương Phật, hoặc nơi nước Phật, nếu cần hoa trời mưa khắp, hoa liền khắp đầy ba ngàn đại thiên thế giới, đem cúng dường Phật; hoặc mưa hương Chiên-đàn trời, hoặc mưa châu ngọc tươi sáng; hoặc mưa bảy báu; hoặc mưa ngọc Như-ý lớn như núi Tu-di; hoặc mưa kỹ nhạc, âm thanh thanh thoát; hoặc lấy thân lớn như núi Tu-di làm tim đèn, cúng dường chư Phật. Như vậy... gọi là tài cúng dường.

Lại Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, lấy pháp cúng dường chư Phật. Hoặc có Bồ-tát thực hành một địa pháp cúng dường chư Phật, cho đến hành mười địa pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát được vô sanh pháp nhãn, trừ phiền não cho mình và chúng sanh, ấy là pháp cúng dường. Hoặc có khi Bồ-tát trú ở mười địa dùng thần lực làm dứt lửa địa ngục, khiến cho loài ngạ quỷ được no đủ, súc sanh được lìa sợ hãi, khiến được sanh lên cõi trời cõi người, ở địa vị bất thối, sức đại công đức như vậy, gọi là pháp cúng dường.

Vì vậy nên nói muốn được thiện căn thành tựu, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn làm cho hết thảy chúng sanh mãn nguyện về y phục, ăn uống, đồ nằm, hương xoa, xe ngựa, phòng xá, giường chõng, đèn đuốc... hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Có thứ lớp gì, khi muốn làm mãn nguyện cho hết thảy chúng sanh?

Đáp: Hành nghiệp của Bồ-tát có hai:

1. Cúng dường chư Phật.
2. Độ thoát chúng sanh.

Do cúng dường chư Phật nên được vô lượng phước đức, đem phước đức ấy làm lợi ích chúng sanh, đó là làm mãn nguyện chúng sanh. Như người chủ buôn vào biển cả tìm châu báu, được an ổn trở về, làm lợi ích cho người thân thích và quen biết. Như vậy, Bồ-tát vào trong biển pháp của chư Phật, được vô lượng báu công đức, làm lợi ích cho chúng sanh. Cũng như tiểu vương cúng dường đại vương, làm cho hoan hỷ, được ban cho điều mong cầu, về chức vị, tài của, đem về nước cũ, làm lợi ích cho mọi người, trừ khổ oán tặc. Bồ-tát cúng dường chư Phật pháp vương, nên được thọ ký, lấy vô lượng trân bảo thiện căn, được vô tận trí lực, trở lại trong chúng sanh, cúng dường người lành, cung cấp vật cần dùng cho người nghèo, bợn ma dân, tà kiến ngoại đạo thảy đều tan rã, ấy là cúng

dường chư Phật, tiếp đến làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Bồ-tát thật có thể làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh chăng? Nếu làm mãn nguyện khắp hết chúng sanh, vậy chư Phật và Bồ-tát khác còn lợi ích gì? Nếu không làm mãn nguyện tất cả, thì trong đây có sao nói muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sanh, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Có hai thứ nguyện:

1. Nguyện thành được.
2. Nguyện không thành được.

Nguyện không thành được là có người muốn cân lường hư không cùng tận biên tế, và muốn tìm biên tế của thời gian, phương hướng, thì chỉ như trẻ con tìm trăng đáy nước, tượng trong gương. Những nguyện như vậy thì không thể thành được. Nguyện thành được là như cưa cây tìm lửa, đào đất tìm nước, tu phước được sanh cõi người cõi trời và thành A-la-hán, Bích-chi Phật quả, cho đến được chư Phật pháp vương. Những nguyện như vậy gọi là nguyện thành được.

Nguyện thành được có hai thứ:

1. Thế gian.
2. Xuất thế gian.

Trong đây vì nguyện thế gian nên làm mãn nguyện chúng sanh, tại sao biết? Là vì lấy đồ ăn uống, giường nằm, cho đến đèn đuốc cần dùng đều cung cấp cho.

Hỏi: Có sao Bồ-tát làm cho chúng sanh mãn nguyện những điều dễ được, mà không cho những điều khó được?

Đáp: Nguyện có hạ, trung, thượng. Hạ nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời nay. Trung nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui đời sau. Thượng nguyện là làm nhân duyên cho được cái vui Niết-bàn. Thế nên, trước cho hạ nguyện, thứ đến trung nguyện, vậy sau thượng nguyện.

Lại nữa chúng sanh phần nhiều đắm cái vui đời nay, ít cầu cái vui đời sau, cái vui Niết-bàn càng ít cầu hơn nữa. Nếu nói nhiều là đã gồm có ít trong ấy.

Lại nữa, kinh này trước sau phần nhiều nói đến cái vui Niết-bàn, đời sau, ít nói đến cái lợi đời nay.

Pháp của Bồ-tát là cho hết thảy chúng sanh đủ thứ lợi ích, không nên bỏ một ai. Vì sao? Vì tâm ban đầu chỉ muốn dạy chúng sanh tu Đại thừa pháp, nhưng vì chúng sanh không kham thọ hóa, nên tiếp đó dạy cho pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Nếu cũng không kham nữa, thì

sẽ dạy cho mười điều thiện, bốn phạm hạnh, khiến tu phước đức. Nếu chúng sanh vẫn không ưa, cũng không nên bỏ rơi chúng sanh ấy, mà nên cho họ sự lợi ích đời này là ăn uống...

Lại nữa, người phạm phu tuy có thể cho người khác ăn uống..., làm mãn nguyện người kia, đều có nhân duyên, hoặc việc đời này, hoặc việc đời sau. Thanh văn, Bích-chi Phật, không có nhân duyên làm mãn nguyện chúng sanh, nên sự lợi ích rất ít, còn đại Bồ-tát do nhân duyên thực hành Bồ thí Ba-la-mật nên được làm quốc vương, đại trưởng giả, giàu có vô lượng, chúng sanh bốn phương, nếu đến cầu xin đều được đầy đủ. Như cư sĩ Tân-đầu, làm vị đại đàn-việt, ngồi giường lớn bảy báu, kim cương làm chân, trái nệm trời, màn giăng xích chân châu; người hầu hạ hai bên, mỗi bên có tám mươi bốn ngàn, toàn trang sức kỳ diệu, mở bốn cửa lớn, tự do cho người đến xin. Ngày đêm sáu thời đánh trống, lại phóng ánh sáng. Mười phương vô lượng chúng sanh nghe tiếng trống, ánh sáng chạm thân, thấy đều đi đến, muốn được các thứ ăn uống. Trưởng giả thấy các người ấy nhóm lại, liền im lặng chiêm ngưỡng hư không, khi ấy trong hư không mưa xuống thức trăm vị, đều được theo ý. Nếu chúng sanh không tự lấy được, thì người hai bên lấy chia cấp cho, đầy đủ mới thôi. Ai cần ăn uống, y phục, ngọa cụ, bảo vật... đều cũng như thế. Cho chúng sanh tự do theo ý muốn xong, vậy sau nói pháp, khiến xa lìa bốn cách ăn (đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực – N.D) đều an trú trong địa vị bất thối chuyển. Như vậy Bồ-tát do lực thần thông nên hay làm cho chúng sanh mãn nguyện.

Hỏi: Lúc Phật ở đời chúng sanh còn có đói khát, trời không mưa, chúng sanh khốn tẻ mà Phật còn không thể cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, huống Bồ-tát làm sao cho chúng sanh mãn nguyện?

Đáp: Bồ-tát trú ở thập địa; vào Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, ở tại ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc có khi hiện làm người mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, hoặc hiện làm người ở địa vị bất thối chuyển, hoặc hiện làm vị nhất sanh bồ xứ, ở cõi trời Đâu-xuất, thuyết pháp cho chư thiên. Hoặc từ trời Đâu-xuất hạ sanh vào cung vua Tịnh-phạn, hoặc hiện xuất gia thành Phật, hoặc hiện Chuyển pháp luân ở giữa đại chúng, độ vô lượng chúng sanh, hoặc hiện vào Niết-bàn, dựng tháp bảy báu, ở khắp các quốc độ, để chúng sanh cúng dường Xá-lợi, khi Phật pháp diệt hết. Khi đang làm Bồ-tát mà lợi ích như vậy, huống chi khi thành Phật. Phật thân có hai thứ:

1. Chân thân.
2. Hóa thân.

Chúng sanh thấy được Phật chân thân, không nguyện gì không thỏa mãn.

Phật chân thân đầy khắp hư không, ánh sáng chiếu khắp mười phương, âm thanh thuyết pháp cũng khắp mười phương, đại chúng đầy trong vô lượng hằng hà sa thế giới, thấy đều nghe pháp, thuyết pháp không dứt, trong một khoảng thời gian, mỗi mỗi tùy chỗ nghe mà đặng giải ngộ. Như kiếp tận rồi, do hành nghiệp của chúng sanh nên có mưa lớn đổ xuống, liên tục không dứt, ba đại kia không thể ngăn được, chỉ có gió của kiếp tận mười phương nổi lên, xúc đối nhau mà duy trì nước mưa ấy.

Như vậy, pháp tánh thân Phật thuyết pháp, trừ hàng thập trụ Bồ-tát, hàng tam thừa không thể duy trì được; chỉ có hàng thập trụ Bồ-tát với năng lực phương tiện trí không thể nghĩ bàn là nghe lãnh thọ được. Chúng sanh nào thấy được pháp thân Phật thì không có ba độc, và các phiền não; các khổ rét, nóng cùng lúc diệt hết, không nguyện gì không thỏa mãn. Như ngọc như ý còn luôn cho chúng sanh được tùy nguyện, hưởng gì ngọc Phật, cho hết thấy được mãn nguyện thế gian, mãn nguyện xuất thế gian. Nếu nói Phật không thể làm cho chúng sanh mãn nguyện, lời ấy không đúng.

Lại nữa, đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thọ thân ở cung vua, hiện chịu theo phép tắc con người, có lạnh, nóng, đói, khát, ngủ nghỉ, chịu lời phỉ báng, già, bệnh, chết... mà nội tâm trí tuệ thân đức không khác với chân Phật chánh giác, muốn làm thỏa mãn sở nguyện của chúng sanh, đều thỏa mãn được, nhưng không mãn là vì từ vô số kiếp lại thường làm cho chúng sanh mãn nguyện về ăn mặc mà không hết khổ, cho nên nay chỉ lấy Niết-bàn vô vi thường lạc làm lợi ích họ, như thương người thân không cho đồ ăn ngon có lẫn độc. Như vậy nguyện của thế gian chỉ làm sanh các kiết sử, lại khi xa lìa các kiết sử thì tâm sanh đại khổ, cho nên không lấy đó làm quan trọng.

Lại nữa, có người nói đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã làm cho chúng sanh mãn nguyện mà chúng sanh tự không nhận được, như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: Phật lấy ngón chân ấn xuống đất, tức thời quốc độ được trang nghiêm bảy báu, Phật quốc độ của ta cũng như vậy, con người nhiều oán hại thì hiện thấy Phật quốc khác hơn.

Lại như vua rồng, tâm bình đẳng mưa xuống, mà ở người thì là nước mà trên thân ngựa quỳ thì là lửa than.

Hỏi: Nếu có thể làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, thì chúng sanh hữu biên, không còn ai chịu khổ đói rét nữa. Vì cớ sao? Vì hết thấy

chúng sanh đều đã mãn nguyện là khổ được vui?

Đáp: Mãn nguyện hết thấy, là danh tự hết thấy, chứ không phải thật hết thấy, như kệ Pháp cú nói:

*Hết thấy đều sợ chết,
Hết thấy sợ gây đánh,
Suy bụng ta ra người,
Chớ giết chớ đánh gây.*

Tuy nói hết thấy sợ gây đánh đau, nhưng như chúng sanh ở cõi Vô sắc, không thân, thì không có gây đánh đau. Chúng sanh ở cõi Sắc, tuy có thể có thân cũng không có gây đánh đau. Chúng sanh ở cõi Dục cũng có người không bị gây đánh đau, nhưng nói “hết thấy” là chỉ những người đáng bị gây đánh mà nói, chẳng phải thật hết thấy. Vì vậy nên Bồ-tát làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện. Nhưng tâm Bồ-tát không có giới hạn, quả báo phước đức cũng vô lượng, chỉ vì chúng sanh bị tội chướng sâu dày từ vô lượng vô số kiếp, nên không thể được, như đệ tử của Xá-lợi-phất là Tỳ-kheo La-tần-châu (Lasoka) đi khát thực sáu ngày liền mà không được chi, cho đến ngày thứ bảy, mạng sắp muốn dứt, có người đồng đạo khát thực đem cho, liền bị chim giứt lấy tha đi. Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Mục-kiền-kiên: Thầy có thần lực lớn, giữ hộ thức ăn ấy đưa cho La-tần-châu được ăn. Mục-kiền-liên liền đem thức ăn đến cho, thức ăn sắp đưa đến miệng, liền biến thành bùn. Lần sau Xá-lợi-phất khát thực đem cho, thì miệng tự ngậm lại. Cuối cùng Phật đi đến đưa thức ăn cho, nhờ phước đức vô lượng của Phật nên làm cho La-tần-châu ăn được. Tỳ-kheo ấy ăn xong, tâm sanh hoan hỷ, càng tin kính gấp bội.

Phật bảo Tỳ-kheo La-tần-châu: Các pháp hữu vi đều là khổ, và nói Tứ đế cho nghe, ngay khi ấy Tỳ-kheo được lậu hết, ý giải, chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Có những chúng sanh phước mỏng, tội nặng hơn đây, Phật không cứu được.

Lại vì biết chúng sanh là không thể có được, rõ thấu pháp tánh, nên chư Phật không có ước tưởng phân biệt là người có thể hay không có thể độ, tâm thường vắng lặng, ý không thêm bớt. Vì vậy nên dù Bồ-tát có muốn làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, nhưng vì chúng sanh tội nặng, nên không thể được, Bồ-tát không có lỗi.

Uống, ăn: Ăn lượng có hai thứ là thô và tế. Bánh, cơm, thức ăn trăm vị. Tuy kinh nói do bốn cách ăn mà chúng sanh được tồn tại, nhưng nơi đây chỉ nói cách đoàn thực (ăn đồ vật có khối lượng nắm cầm được

– ND) còn ba cách ăn kia là không có sắc chất, không thể đem cho. Nếu nói cho đoàn thực, thì đã cho ba cách ăn kia. Vì sao? Vì nhân đoàn thực nên tăng ích ba cách thực kia. Như Kinh nói: Đàn-việt thí đồ ăn, thì cho người lãnh thọ năm việc lợi ích.

Uống, tổng quát có hai thứ:

1. Rượu cây cỏ, đó là rượu nho, mía, lúa...
2. Nước cây cỏ đó là nước mía, nước nho, nước đường, nước thạch lựu, nước quả lê, mít, nước quả ba-lô-sa... và nước các thứ lúa, như vậy hòa hợp làm thức uống ăn trong loài người. Và các thức uống ăn của trời là vị Tu-đà cam lồ, hoa quả trời... nước Ma-đầu-ma-đà-bà... mỗi loại chúng sanh ăn hoặc ăn lúa, hoặc ăn thịt, hoặc ăn đồ sạch, đồ nhơ, đều đưa đến no đủ.

Y phục: Y có hai thứ, hoặc lấy từ thân chúng sanh làm ra, như tơ lụa, lông, da... Hoặc lấy từ cây cỏ làm ra như vải, bông, cỏ cây... có y của trời, không có đường ngang dọc, tự nhiên từ cây sinh ra, màu sáng nhẹ mềm.

Ngọa cụ: Giường chông, mền nệm, màn, trướng, gối...

Hương xoa: Có hai thứ:

1. Cây Chiên-đàn, xoa thân.
2. Hương tạt các thứ cây, giã nát thành bột lấy xoa thân và ướp chăn áo, hoặc bôi trên đất, trên vách.

Thừa: là voi ngựa.

Xa: là xe.

Phòng xá là đất, cây, bảo vật làm thành lầu, gác, điện, nhà, cung, quán... để ngăn rét, nóng, gió, mưa, đạo tặc.

Đèn đuốc là dầu, mỡ, sáp ong, ngọc sáng...

Các vật là tất cả những vật cần dùng của chúng sanh không thể nói đủ, cho nên lược nói là “các vật”.

Hỏi: Trong đây cơ sao không nói hương đốt, hoa đẹp?

Đáp: Nói “các vật” là đều đã gồm trong đó.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên lược nói ba thứ: ẩm thực, y phục và đồ trang nghiêm?

Đáp: Các vật này là vật nhu yếu, nếu thương niệm chúng sanh thì trước cho ẩm thực, tiếp đến y phục, rồi hương xoa trừ thân nhơ thối, kế cho ngọa cụ, rét lạnh cần phòng xá, tối tắm cần đèn đuốc.

Hỏi: Hương hoa cũng có thể trừ thối, vì cơ sao không nói?

Đáp: Hoa chẳng phải có thường, cũng chóng héo tàn, lợi ích ít cho nên không nói. Hương đốt khi lạnh mới cần, khi nóng đáng sợ. Hương

xoa thì thông dụng cả khi lạnh khi nóng. Khi lạnh trộn với trầm thủy, khi nóng thì trộn với Chiên-đàn để xoa thân, vì vậy chỉ nói hương xoa.

Hỏi: Nếu thực hành Bồ thí Ba-la-mật, được vô lượng quả báo, có thể làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, cố sao nói muốn làm cho hết thấy chúng sanh mãn nguyện, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Trước đã nói, do có Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp nên gọi là Đàn-Ba-la-mật. Nay sẽ nói lại: Chúng sanh có thể được mãn nguyện, không phải chỉ trong một quốc độ, một Diêm-phù-đề, mà đều muốn làm mãn nguyện chúng sanh trong sáu đường khắp mười phương thế giới, nên không phải chỉ Bồ thí mà có thể làm được, phải do Bát-nhã Ba-la-mật, phá tướng xa gần, phá tướng hết thấy chúng sanh, tướng phi hết thấy chúng sanh, trừ hết các ngại, trong khoảng khắc khảy móng tay, hóa ra vô lượng thân, khắp đến mười phương, mới có thể làm mãn nguyện cho hết thấy chúng sanh.

Thần thông lợi ích như vậy phải từ Bát-nhã xuất sanh, vì vậy, Bồ-tát muốn làm mãn nguyện hết thấy chúng sanh, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến chúng sanh trong hàng hà sa thế giới, an lập nơi Bồ thí Ba-la-mật, an lập nơi trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Nghĩa ấy có thứ lớp, vì nhân duyên gì?

Đáp: Lợi có ba thứ: lợi đời này, lợi đời sau, lợi rốt ráo. Vui có ba thứ: vui đời này, vui đời sau, vui xuất thế. Trước kia nói lợi vui đời nay, ở đây nói lợi vui đời sau và xuất thế. Vì vậy nên khiến chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật. Bồ-tát thương nhớ chúng sanh quá hơn cha mẹ nhớ con. Tâm từ bi thấu đến xương tủy, trước lấy ăn uống làm no đủ thân họ, trừ khổ đói khát, kế lấy y phục trang nghiêm thân họ, làm cho thọ vui. Nhưng tâm Bồ-tát không thoả mãn, lúc suy nghĩ rằng chúng sanh đã được cái vui đời nay, còn nghĩ làm sao cho được cái vui đời sau. Nếu đem sáu Ba-la-mật thế gian dạy cho thì được cái vui cõi người cõi trời, lâu sau trở lại luân hồi sanh tử, nên lại đem sáu Ba-la-mật xuất thế gian dạy cho, khiến được cái vui vô vi thường hằng.

Lại nữa, trước lấy y phục hoa hương trang nghiêm thân họ, nay lấy công đức trang nghiêm tâm họ. Nếu có ba thứ trang nghiêm thì đây đủ không còn chi hơn: 1. Y phục bảo báu. 2. Phước đức. 3. Đạo pháp. Bồ-tát muốn đầy đủ ba thứ trang nghiêm chúng sanh, nên trước nói quả báo công đức, nay nói nhân duyên công đức.

Lại nữa, trước nói tuy có đại bố thí mà vì chúng sanh tội nặng không thể hưởng được tất cả. Như trong kinh Ngạ quỷ nói: tuy cho chúng đồ ăn mà chúng không ăn được, biến thành vật bất tịnh, lửa than.

Lại Bồ-tát không bỏ chúng sanh, nên tạo phương tiện để khiến chúng sanh được lợi ích cơm áo, cho nên dạy tu phước nghiệp, tự làm tự hưởng, Bồ-tát khéo biết nhân duyên, không thể cưỡng ép có được, nên dạy khiến tu để được hưởng. Vì vậy nên tiếp dạy chúng sanh an trú sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Chí nguyện của Bồ-tát là khiến hết thảy chúng sanh mười phương an trú sáu Ba-la-mật, cơ sao chỉ nói chúng sanh trong thế giới như cát sông Hằng?

Đáp: Vì người nghe pháp đã nghe nói cát sông Hằng nên lại đối với Bồ-tát mới phát tâm thì cho vô biên vô lượng là nhiều, nhiều thì rối loạn. Nếu là đại Bồ-tát thì không lấy số cát sông Hằng làm số.

Lại nữa, nói như cát sông Hằng là nói số vô biên vô lượng, như trong phẩm sau nói.

Lại nữa, như cát sông Hằng là đã nói mười phương các thế giới, trong đây cũng không nói một cát sông Hằng, không nên vấn nạn. Vì vậy nói thế giới như cát sông Hằng, không có lỗi. Nghĩa thế giới như cát sông Hằng như trước đã nói.

Chúng sanh là đối với Năm uẩn, Mười tám giới, Mười hai xứ, Sáu nhập, Mười hai duyên... nhiều pháp, giả danh chúng sanh: là trời, là người, là trâu, là ngựa. Chúng sanh có hai thứ: động và tĩnh. Động thì phát sanh thân khẩu nghiệp, tĩnh thì không thể. Chúng sanh có sắc, chúng sanh không sắc, chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, chúng sanh thế gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, hiền, thánh, phàm phu, tà định, chánh định, bất định, vui, khổ, không khổ, không vui, chúng sanh vui thượng, trung, hạ; chúng sanh học, vô học, phi học phi vô học. Chúng sanh có tướng, không tướng, Phi hữu tướng phi vô tướng. Chúng sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chúng sanh cõi Dục có ba hạng: thiện căn có thượng, trung, hạ. Thượng là trời Lục dục, trung là hạng giàu sang trong loài người, hạ là thấp hèn trong loài người. Vì bộ mặt không đồng loại nhau nên có bốn châu thiên hạ khác nhau (Nam thiêm bộ châu, Bắc cu-lô châu, Đông thắng thân châu, Tây ngưu hóa châu – N.D).

Bất thiện có ba bậc: thượng là địa ngục, trung là súc sanh, hạ là ngạ quỷ.

Lại nữa, chúng sanh cõi Dục có mười thứ: ba ác đạo, người, trời Lục

dục.

Địa ngục có ba thứ: địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục hắc ám.

Súc sanh có ba hạng: đi trên không, đi trên bộ, đi trong nước, đi ngày, đi đêm, đi ngày đêm.

Quỉ có hai hạng: quỉ xấu tệ, quỉ đỏi. Quỉ xấu tệ hưởng vui như Trời, chỉ khác là ở chung với quỉ đỏi, làm chủ nó. Quỉ đỏi thì bụng như hang núi, cổ nhỏ như kim, thân thể chỉ có ba thứ: da đen, xương gân vô số, trăm năm không nghe đến danh từ ăn uống, hướng chi được thấy. Lại có loài quỉ lửa từ miệng tuôn ra, lấy loài phi nga nháy vào lửa làm thức ăn. Hoặc ăn gân, ăn máu mủ, đờm dãi, đồ dư thừa rửa bỏ. Hoặc được cúng tế, hoặc ăn đồ sanh để bất tịnh.

Trời Lục dục là bốn Thiên vương... ở giữa trời Lục dục lại riêng có các trời Trì anh lạc, trời Hý vong, trời Tâm sân, trời Chân chim, trời Ưu thấy. Các trời này đều nhiếp vào sáu trời.

Có người nói: Chúng sanh cõi Dục có mười một thứ: trước nói năm đạo, nay nói thêm A-tu-la đạo.

Hỏi: A-tu-la tức nhiếp vào năm đạo, A-tu-la chẳng phải trời, chẳng phải người, ở địa ngục khổ nhiều, ở súc sanh hình khác. Như vậy nên nhiếp vào ngũ quỉ phải hơn?

Đáp: Không đúng! Lực A-tu-la ngang bằng trời Ba mươi ba. Vì sao? Vì hoặc bị chư Thiên phá, hoặc phá chư Thiên, như trong Kinh nói: Thích-đề-hoàn nơn bị A-tu-la đánh phá. Bốn thứ binh chúng của A-tu-la chui vào cọng sen để tự giấu mình, hưởng thụ năm dục lạc tương tự như Trời, làm đệ tử Phật. Có oai lực như vậy, đâu được nhiếp vào ngũ quỉ. Vì vậy nên phải có sáu đạo.

Lại nữa, như A-tu-la, Chân-đà-la, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, Dạ-xoa, La-sát, Phù-đà các đại thần này là A-tu-la thuộc Trời. A-tu-la hưởng vui ít hơn chư Thiên, có oai đức biến hóa tùy ý. Vì thế có người nghi rằng đó là A-tu-la chẳng phải tu-la? Tu-la (Trung Hoa dịch là lớn, có nghĩa là trời), có người nói A-tu-la ấy chẳng phải Tu-la. A-tu-la đạo là tên có được ban đầu, ngoài ra đều đồng một đạo.

Hỏi: Kinh nói có năm đạo, cơ sao nói sáu đạo?

Đáp: Cách Phật lâu xa, Kinh pháp lưu truyền năm trăm năm sau, có nhiều dị biệt, kinh bộ không đồng, hoặc nói năm đạo, hoặc nói sáu đạo. Nếu người nói năm đạo, thì xoay văn trong kinh Phật, lại nói năm, nếu người nói sáu đạo thì xoay văn trong kinh Phật lại nói sáu.

Lại trong Đại thừa như kinh Pháp Hoa nói có sáu thứ chúng sanh,

xem các ý nghĩa nên có sáu đạo.

Lại nữa, phân biệt thiện ác nên có sáu đạo: thiện có thượng, trung, hạ, nên có ba đường thiện, là trời, người, A-tu-la. Ác có thượng, trung, hạ nên có ba đường ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu không như vậy thì ác có ba hạng quả báo mà thiện chỉ có hai hạng quả báo, việc ấy mâu thuẫn. Nếu có sáu đạo, đối nghĩa không trái.

Hỏi: Thiện pháp cũng có ba quả: hạ làm người, trung làm Trời, thượng là Niết-bàn?

Đáp: Trong đây không nói đến Niết-bàn, chỉ nên phân biệt quả báo về trú xứ của chúng sanh. Niết-bàn không phải quả báo.

Thiện pháp có hai thứ:

1. Ba mươi bảy đạo phẩm có thể đưa đến Niết-bàn.
2. Có thể sanh cái vui đời sau.

Nay chỉ nói thiện pháp được thọ thân, không nói thiện pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế gian thiện có ba bậc: do thiện thượng phần nên được quả báo cõi trời, do thiện trung phần nên được quả báo cõi người, do thiện hạ phần nên được quả báo cõi A-tu-la.

Hỏi: Ông tự nói A-tu-la oai lực ngang với trời, hưởng vui không khác trời, sao nay lại nói thiện hạ phần được quả báo A-tu-la?

Đáp: Ở trong loài người, có thể được xuất gia thọ giới, cho đến đạt đạo, ở cõi A-tu-la kiết sử che tâm, đắc đạo rất khó. Chư Thiên tùy theo kiết sử mà có tâm thẳng tin đạo, còn A-tu-la tâm nhiều tà vạy, không thường gần đạo. Vì vậy nên A-tu-la tuy giống Trời mà vì khó gần đạo nên lại dưới người. Như rồng chúa, chim Kim sí, thế lực tuy lớn, hay biến hóa mà vẫn ở trong súc sanh đạo, A-tu-la đạo cũng như vậy.

Hỏi: Nếu rồng chúa, chim kim sí, thế lực tuy lớn mà vẫn thuộc súc sanh đạo, vậy A-tu-la cũng thuộc vào ngạ quỷ đạo, vì sao lại làm ra sáu đạo?

Đáp: Rồng chúa, chim Kim sí, tuy được thọ vui, mà vì thân hình đi ngang như súc sanh nên nhiếp thuộc súc sanh đạo. Địa ngục, ngạ quỷ thân hình tuy giống người mà vì nó quá khổ, nên không nhiếp vào nhân đạo. A-tu-la thế lực đã lớn, mà thân hình giống người, trời, nên lập riêng sáu đạo. Đó là lược nói chúng sanh cõi Dục.

Chúng sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, như trong phẩm sau sẽ nói.

An lập Bồ thí Ba-la-mật: Bồ-tát nói với chúng sanh hãy tu hạnh bố thí. Nghèo là khổ lớn, không nên vì nghèo mà phải làm ác phải đọa ba đường dữ. Làm các hạnh ác, đọa ba đường dữ, thì không thể cứu. Chúng

sanh nghe rồi bỏ tâm xan tham, thực hành Bồ thí Ba-la-mật, như trong phẩm sau nói rộng.

Lại nữa, Bồ-tát ở trước chúng sanh, dùng các nhân duyên, các thí dụ mà thuyết pháp, chê bai lòng xan tham, người xan tham, ngay việc cần cho bản thân còn tiếc không dám dùng, thấy ai đến hỏi xin thì tâm đục sắc biến, liền hiện ra thân sắc âm thanh hung ác xấu xí, gieo nghiệp ác cho đời sau, nên chịu thân hình xấu xí. Trước không gieo nhân duyên bố thí nên thọ thân đời này nghèo hèn, tham đắm tài vật, cầu nhiều không ngưng, mở cửa tội ác, chuyên làm việc ác, đọa trong đường ác.

Lại nữa, nghiệp lợi ích trong vòng sanh tử luân chuyển, không gì hơn bố thí, đời nay đời sau thường được theo ý, các việc tiện lợi cho thân, đều từ bố thí mà được. Bố thí là con đường thiện, hay mở ra ba vui: vui cõi trời, vui cõi người, vui Niết-bàn. Vì cố sao? Vì người ưa bố thí, tiếng tăm lan truyền, tám phương tin ưa, không ai không ái kính; ở giữa đại chúng, không có sợ hãi, khi chết không hối hận. Người ấy tự nghĩ: Ta đem tài vật gieo vào ruộng phước tốt, chắc chắn ta được cái vui cõi người cõi trời và mở cửa Niết-bàn. Vì cố sao? Vì bố thí phá kiết sử xan tham, thương nghĩ người lãnh thọ; diệt trừ sân não, dứt tâm tật đố; cung kính người lãnh thọ thì trừ kiêu mạn; tâm quyết định bố thí, lười nghĩ tự phá, biết quả báo bố thí, thì trừ tà kiến và diệt vô minh. Các phiền não bị phá như vậy, thì cửa Niết-bàn được mở ra.

Lại nữa, không chỉ mở ra ba cái vui mà còn mở ra vô lượng Phật đạo, chỗ của Thế Tôn. Vì cố sao? Vì sáu Ba-la-mật là Phật đạo, mà bố thí là cánh cửa đầu, các hạnh khác đều đi theo. Như vậy bố thí có vô lượng công đức. Vì nhân duyên ấy nên khiến chúng sanh an lập nơi Bồ thí Ba-la-mật, như trong chương Bồ thí trước đã nói.

An lập Trì giới Ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán việc trì giới rằng: Chúng sanh các người, nên học trì giới. Công đức của trì giới bứng khỏi ba đường ác và kiếp hạ tiện trong loài người, khiến được loài người loài trời tôn quý cho đến được Phật đạo. Giới là căn bản của hết thảy sự vui, ví như kho tàng lớn, xuất ra các trân bảo. Giới là sự bảo hộ lớn, hay diệt mọi sợ hãi, ví như đại quân phá giặc. Giới làm trang nghiêm, như đeo anh lạc. Giới là thuyền lớn, hay đưa qua biển lớn sanh tử. Giới là xe lớn, hay chở châu báu quý trọng đi đến thành Niết-bàn. Giới là thuốc hay, hay phá bệnh kiết sử. Giới là thiện tri thức, đời đời theo dõi không hề xa trái, khiến tâm an ổn; ví như đào giếng đã thấy bùn ướt, vui mừng sung sướng, không còn lo sợ. Giới hay thành tựu các hạnh lợi ích, ví như cha mẹ nuôi lớn các con. Giới là thang trí, hay đưa vào vô lậu.

Giới hay làm các kiết sử kinh sợ, ví như sư tử, hay làm cho bầy thú nhiếp phục. Giới là gốc của hết thảy các đức, ách yếu của xuất gia. Người tu tịnh giới, sở nguyện được theo ý; ví như ngọc Như ý, mọi sự đều được ứng theo niệm.

Như vậy nhiều cách tán thán công đức của giới, làm cho chúng sanh hoan hỷ, phát tâm an trú Trì giới Ba-la-mật.

An trú Nhẫn nhục Ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh, tán thán nhẫn nhục rằng: Nhẫn là sức mạnh của người xuất gia, hay dẹp các ác, có thể hiện việc kỳ lạ giữa chúng. Nhẫn nhục thủ hộ làm cho thí, giới không bị hủy hoại. Nhẫn là áo giáp lớn, các quân binh không gia hại. Nhẫn là thuốc hay, hay trừ ác độc. Nhẫn là khéo hơn, giữa đường hiểm sanh tử, an ổn không lo. Nhẫn là kho tàng lớn, thí báu rất lớn cho người thiện nghèo. Nhẫn là thuyền lớn hay đưa qua khỏi sanh tử bờ này, đạt đến Niết-bàn bờ kia. Nhẫn là kính sáng hay làm sáng tỏ các đức, nếu người đến gia ác thì như leo dẫm núi vàng, càng làm phát ánh sáng của nó. Lợi khí để cầu Phật đạo, độ chúng sanh nhẫn là tối diệu. Hành giả nên nghĩ rằng: Nếu ta lấy sân hận đáp lại kia thì là tự hại. Lại nghĩ ta đời trước có tội ấy mà không được như ý, chắc phải nên bồi thường lại. Nếu với người này không nhẫn chịu, các người khác cũng hại ta, đều không tránh được, cố sao nổi giận?

Lại nữa, chúng sanh bị phiền não lôi kéo, gây các việc ác, không được tự tại; ví như người bị kẻ quỷ ám hại, mà mắng nhiếc lương y, lương y lúc ấy chỉ lo trừ quỷ, mà không hiềm kẻ mắng. Hành giả cũng như vậy, chúng sanh đưa ác đến mình, không hiềm nó giận dữ, chỉ lo trừ kiết sử.

Lại nữa, người tu nhẫn, xem kẻ đến mạ nhục như cha mẹ xem con nhỏ, khi nó mạ nhục lại càng thương xót hơn, yêu nó sâu hơn.

Lại tự nghĩ rằng: người kia đưa ác đến ta, ấy là do nghiệp đã tạo ra đời trước, nay phải chịu; nếu lấy giận đáp trả, lại tạo thêm khổ về sau, biết lúc nào giải thoát được! Nếu nay nhẫn nhục, thì vĩnh viễn lìa khổ. Vì vậy không nên nổi giận. Vì các nhân duyên như vậy, nên chê sân giận, sanh từ bi, vào “chúng sanh nhẫn” (gọi tắt là sanh nhẫn – N.D).

Vào sanh nhẫn rồi, suy nghĩ mười phương chư Phật thuyết pháp đều nói không có ngã, cũng không ngã sở, chỉ do các pháp hòa hiệp giả danh chúng sanh, như máy chuyển động người gỗ, tuy động tác mà bên trong vô chủ; thân này cũng như vậy, chỉ có da thịt giữ nhau, chuyển theo gió tâm, niệm niệm sanh diệt vô thường, không tịch, không người làm, không người mắng, cũng không người lãnh thọ; vì gốc ngọn rất ráo không, chỉ là điên đảo hư dối, tâm phàm phu chấp trước. Suy nghĩ như

vậy rồi, thì không có tướng chúng sanh. Không có tướng chúng sanh rồi, các pháp không thuộc về đâu, chỉ do nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh. Như chúng sanh hòa hợp, cưỡng gọi là chúng sanh; pháp cũng như vậy, tức được vào “pháp nhẫn”. Được sanh nhẫn, pháp nhẫn rồi nên còn có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng chi các lợi ích khác.

Chúng sanh nghe như vậy rồi, an trú trong Nhẫn Ba-la-mật.

An lập Tinh tấn Ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh rằng: Người chớ giải đãi. Nếu tinh tấn thì các công đức lành đều được dễ dàng; nếu giải đãi, thì thấy cây có lửa, còn không gây lên được, hưởng chi việc khác, vì vậy khuyên phải tinh tấn. Nếu người theo phương tiện tinh tấn thì không nguyện gì không thành. Phàm được pháp thù thắng gì, chẳng phải không nhân duyên, mà đều do tinh tấn phát sanh.

Tinh tấn có hai: 1. Hay chữa nhóm, phát sanh các thiện pháp, 2. Hay trừ các ác pháp.

Lại có ba tướng:

1. Muốn làm
2. Tinh tấn làm
3. Không ngưng nghỉ.

Lại có bốn tướng: Ác đã sanh tinh tấn diệt trừ; ác chưa sanh tinh tấn không cho sanh; thiện chưa sanh tinh tấn làm cho phát sanh, thiện đã sanh tinh tấn làm cho tăng trưởng, như vậy gọi là tướng tinh tấn.

Tinh tấn nên có thể giúp thành hết thảy thiện pháp; ví như lửa được gió giúp, ngọn mới cháy bùng. Lại như người dựng kiệu ở thế gian, có thể vượt núi qua biển. Theo pháp tinh tấn, cho đến Phật đạo còn được, hưởng chi việc khác. Chúng sanh nghe như vậy rồi, đều an lập Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người chưa phát tâm Bồ-đề, tán thán pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp tối đệ nhất trong hết thảy pháp, rất là tôn quý, hay lợi ích tất cả, làm cho ngộ được thật tướng không hư dối của các pháp, có đại từ bi, đủ Nhất thiết trí, tướng thân kim sắc, đệ nhất vi diệu, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng ánh sáng, vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, ba đạt minh vô ngại, vô ngại giải thoát đối với hết thảy pháp. Được như vậy, thì rất là tối thượng giữa hết thảy chúng sanh, đáng lãnh thọ sự cúng dường của hết thảy thế gian. Nếu người chỉ chuyên tâm niệm Phật, còn được vô lượng vô tận phước đức, hưởng chi tinh tấn bố thí, trì giới, cúng dường, hầu hạ, lễ bái...

Bồ-tát nói với chúng sanh rằng: Phật sự như vậy, người nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, siêng tu tinh tấn, thực hành được pháp như vậy, không khó. Chúng sanh nghe rồi, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng không thể chỉ phát tâm suông mà được, nên thực hành Bồ thí Ba-la-mật, tiếp thực hành Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Thực hành năm Ba-la-mật ấy là Tinh tấn Ba-la-mật. Nếu không phát tâm Đại thừa, thì dạy tu đạo Bích-chi Phật, nếu không tu Bích-chi Phật, thì dạy tu đạo Thanh văn. Nếu không tu đạo Thanh văn, thì dạy lìa sắc, tu định vô sắc, tịch diệt an lạc. Nếu không tu định vô sắc, thì dạy khiến lìa dục, hưởng theo các thứ vui thiền định ở cõi Sắc. Nếu không tu thiền, thì dạy khiến tu mười thiện nghiệp đạo, hưởng thụ thứ vui cõi người, cõi trời, chớ giải đãi, luống chẳng được gì, nghèo cùng hà tiện, chịu đủ cần khổ, thật rất đáng lo!

Giải đãi là điều rất tệ ác, phá hoại đạo lành ích lợi đời này đời sau. Chúng sanh nghe rồi, nhóm các thiện pháp, siêng tu tinh tấn.

An lập Thiền Ba-la-mật: Bồ-tát ở trước chúng sanh tán thán cái vui thiền định thanh tịnh; là cái vui bên trong, vui tự tại, vui lìa tội lỗi, vui đời này đời sau, vui các bậc thánh, vui của Phạm thiên vương, vui thọ khắp thân, vui thâm hậu vi diệu. Chúng sanh các người sao cứ đắm theo cái vui ngũ dục bất tịnh, cùng thọ cái vui tội cấu đồng với súc sanh, mà bỏ cái vui vi diệu này. Nếu người bỏ cái vui nhỏ thì được cái vui lớn. Người không thấy kẻ nông phu bỏ hạt giống nhỏ, sau thu hoạch quả lớn, như người hiến cho vua vật nhỏ, mà được thưởng lớn, như chút mồi nhỏ đầu lưỡi câu mà được cá to. Bỏ đi rất ít mà được rất nhiều. Người trí cũng như vậy, hay bỏ cái vui thế gian, được an lạc của thiền định thâm sâu. Được cái vui này rồi, trở lại xem cái vui ngũ dục, rất là bất tịnh, như từ ngục ra khỏi, như bệnh được chữa lành, không còn tìm thuốc.

Lại nữa, thiền định là cửa ban đầu của thật trí, làm cho trí tuệ đứng lặng, có thể soi chiếu các pháp; như đèn trong nhà kín, ánh sáng nó đặc dụng. Nếu tu thiền định, thời Bốn tâm vô lượng, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Năm thần thông, Bốn biện tài... các công đức thậm thâm, đều được đầy đủ, có thể làm cho ngói đá biến thành ngọc Như ý, hướng chi các việc khác. Tùy ý muốn làm, không điều chi không làm được. Vào đất như nước, đi trên nước như đất, tay cầm mặt trời mặt trăng, thân không cháy, lạnh, hóa làm thân các cầm thú mà không chịu chuyện cầm thú. Hoặc có khi biến thân đầy khắp hư không, hoặc có khi thân như vi trần, hoặc nhẹ như lông hồng, hoặc nặng như núi Thái. Hoặc có khi lấy ngón

chân ấn xuống đất, trời đất rung động mạnh như rung cỏ lá. Năng lực thần thông biến hóa như vậy, đều từ thiên định mà có được. Chúng sanh nghe rồi, an lập nơi Thiên Ba-la-mật.

An lập Bát-nhã Ba-la-mật: Bồ-tát dạy chúng sanh nên học trí tuệ. Trí tuệ là sáng suốt, thứ nhất gọi là mắt tuệ. Nếu không mắt tuệ, tuy có mắt thịt vẫn là đui. Tuy có mắt mà không khác súc sanh. Nếu có trí tuệ, tự phân biệt được tốt xấu, không theo lời người khác; nếu không trí tuệ, theo người dốt đông dốt tây; như trâu, lạc đà bị xâu mũi đi theo người. Trí tuệ trên hết thấy pháp hữu vi, được bậc thánh nhân thương yêu, vì hay phá pháp hữu vi. Như trong Kinh nói: Trong các thứ báu, trí tuệ báu hơn hết. Trong hết thấy đồ sắc bén, đao trí tuệ sắc bén hơn hết. Ở đỉnh núi trí tuệ, không còn lo sợ, xem các chúng sanh khổ não, đều thấy tất cả. Lưỡi đao trí tuệ hay cắt đứt sợi xích phiền não sanh tử vô thỉ. Năng lực trí tuệ còn làm cho đầy đủ sáu Ba-la-mật, được vô lượng Phật đạo không thể nghĩ bàn, thành Nhất thiết trí, hưởng chi Thanh văn, Bích-chi Phật và các việc tốt thế gian. Trí tuệ ấy tăng trưởng thanh tịnh không thể bị trở hoại, ấy gọi là Ba-la-mật. Chúng sanh nghe rồi, an trú trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát hoặc có khi không dùng miệng dạy; hoặc hiện thân thông, ánh sáng, làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật; hoặc hiện các cảnh duyên khác, cho đến trong mộng, làm nhân duyên khiến chúng sanh giác ngộ mà an trú trong sáu Ba-la-mật.

Thế nên Kinh nói: muốn làm cho chúng sanh an trú trong sáu Ba-la-mật, hãy học Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Muốn gieo một thiện căn nơi phước điền Phật, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không cùng tận, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN. Thiện căn: Ba thiện căn là thiện căn không tham, thiện căn không giận, thiện căn không ngu si. Hết thấy pháp lành đều từ ba thiện căn phát sanh và tăng trưởng; như cây thuốc, cây cỏ, nhờ có gốc mà được sanh thành, tăng trưởng, vì vậy gọi là các thiện căn.

Nay nói thiện căn là, đồ cúng dường làm nhân duyên cho thiện căn là hoa hương, đèn sáng, và pháp cúng dường là trì giới, tụng kinh... Đây là trong nhân nói quả. Vì sao? Vì hoa hương không nhất định, khi lấy thiện căn hoa hương cúng dường, gọi là thiện căn. Bồ thí chẳng phải là phước, bồ thí chỉ phá xan tham, mở cửa thiện pháp. Thiện căn gọi là phước; như kim dẫn chỉ may áo, may chẳng phải là kim.

Một là hoặc hoa, hoặc hương, hoặc đèn sáng, hoặc lễ kính, hoặc

tụng kinh, hoặc trì giới, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ... mỗi mỗi cúng dường, và pháp cúng dường, gieo vào phước điền Phật.

Phước điền Phật: Mười phương ba đời chư Phật, hoặc Phật ở đời, hoặc hình tượng, hoặc xá lợi, hoặc chỉ niệm Phật.

Gieo là chuyên tâm bám chắc.

Hỏi: Kinh nói các thứ phước điền, cơ sao chỉ nói gieo vào phước điền Phật?

Đáp: Tuy có các thứ phước điền, phước điền Phật hơn hết, vì đầy đủ vô lượng Phật pháp như Mười lực, Bốn vô úy, Mười tám pháp không chung. Vì vậy chỉ nói gieo vào Phật phước điền. Pháp bảo tuy là thầy của Phật, nhưng nếu Phật không thuyết, thì pháp thành vô dụng; như tuy có thuốc hay, nếu không có lương y, thì thuốc thành vô dụng. Vì vậy, Pháp bảo tuy trên, mà trước phải nói đến Phật bảo, hướng chỉ Tăng bảo.

Lại nữa, phước điền Phật, có thể thu được vô lượng quả báo, ngoài ra các phước khác, tuy nói vô lượng mà có kém thua, vì vậy phước điền Phật là bậc nhất.

Không tận: Chư Phật thành tựu công đức vô tận, nên gieo vào phước điền Phật, phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, công đức của Phật vô lượng, vô biên, vô số, vô đẳng, nên người gieo phước, được phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, lúc Phật còn làm Bồ-tát, duyên hết thấy chúng sanh, như chúng sanh vô lượng vô biên, thì phước cũng không cùng tận.

Lại nữa, phước điền Phật thanh tịnh, nhỏ sạch cỏ uế phiền não tham ái... Tịnh giới là đất bằng, Đại từ bi là tươi tốt, trừ đất muối tà ác, Ba mươi bảy đạo phẩm làm ngòi cản, Mười lực, Bốn vô úy, Bốn vô ngại trí... làm tường vách, hay xuất sanh quả báo Niết-bàn của ba thừa. Gieo giống vào ruộng vô thượng vô tỷ ấy, được phước vô tận.

Hỏi: Hết thấy pháp hữu vi là tướng vô thường, đều trở về tận diệt, phước từ nhân duyên sanh làm sao được bất tận?

Đáp: Cũng không nói thường bất tận. Tự nói: cho đến khi chứng đắc Phật, ở trung gian bất tận.

Lại nữa, hết thấy pháp hữu vi, tuy niệm niệm sanh diệt, nhưng tương tục không đoạn, quả báo không mất, nên nói là bất tận, ví như đốt đèn tuy ngọn lửa sanh diệt mà không gọi là diệt, khi dầu hết tim lụn, mới gọi là diệt. Phước điền cũng như vậy, do tâm gieo vào ruộng tốt, cho đến khi pháp tận mà phước điền cũng không tận.

Lại nữa, Bồ-tát biết thật tướng các pháp như Niết-bàn bất tận. Phước

đức đưa vào thật tướng các pháp, nên cũng bất tận.

Hỏi: Nếu như vậy, Niết-bàn bất tận, phước đức đúng lẽ cũng phải thường bất tận, cơ sao nói cho đến khi thành Phật, ở khoảng trung gian bất tận?

Đáp: Phước ấy do lực trí tuệ làm cho công đức ấy như Niết-bàn rốt ráo không, bất sanh bất diệt; vì vậy nên ví như Niết-bàn, chứ chẳng phải Niết-bàn. Nếu là Niết-bàn thì không thể làm ví dụ. Nếu là Niết-bàn cơ sao quả báo thành Phật mà phước không tận. Ví như ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác; như tướng rốt ráo “không” giải thoát, là không giải thoát môn, thì quán thế gian cũng là rốt ráo không; như tướng vô tướng giải thoát, là vô tướng giải thoát môn, thì quán thế gian cũng là tướng vô tướng; như tướng vô tác giải thoát, là vô tác giải thoát môn, thì quán thế gian cũng là tướng vô tác.

Vì vậy nên nói: Muốn gieo một thiện căn nơi phước điền Phật cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phước ấy không tận, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

-----o0o-----